

Bộ phận Chiến lược đầu tư
DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ GUOTAI JUNAN VIỆT NAM
Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)
Kỳ đầu tư: 6-18 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN	Giá khi khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá mục tiêu	Upside kỳ vọng	Upside còn lại	Vượt mục tiêu	Tổng biến động
MWG	06/08/21	3	114,000	Nắm giữ	122,300	7.3%	10.2%	-	128.2%
CTG	04/08/21	1	34,000	Mua	39,200	15.3%	23.3%	-	-6.5%
TDM	30/07/21	1	30,050	Mua	40,000	33.1%	32.9%	-	0.2%
HAH*	03/08/21	3	49,000	Nắm giữ	60,000	22.4%	-	-	151.7%
OCB*	02/08/21	2	24,300	Mua	27,700	14.0%	22.3%	-	9.3%
VHM*	31/05/21	2	102,600	Nắm giữ	102,300	0%	-	4.0%	38.9%
SZC*	23/04/21	1	35,750	Nắm giữ	41,000	14.7%	-	18.0%	35.4%
DHC*	30/10/20	1	35,440	Giảm tỷ trọng	39,760	17.1%	-	114.3%	140.4%
ACB*	05/02/21	2	22,830	Nắm giữ	29,110	27.5%	-	9.9%	77.8%
VPB*	05/02/21	2	37,000	Nắm giữ	40,000	8.1%	-	54.0%	170.2%
MBB	11/06/21	3	29,185	Tăng tỷ trọng	32,593	11.7%	16.8%	-	120.4%
VIB*	05/02/21	1	25,297	Nắm giữ	32,157	27.1%	-	12.7%	43.3%
TPB*	05/02/21	1	26,700	Nắm giữ	34,500	29.2%	1.2%	-	27.7%
PNJ*	31/07/20	2	80,900	Nắm giữ	86,000	6.3%	-	2.4%	68.6%
SBT	02/08/20	2	20,550	Nắm giữ	24,000	16.8%	-	0.4%	22.2%
QNS	08/02/21	1	37,200	Mua	54,000	45.2%	6.5%	-	36.3%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)
Kỳ đầu tư: 3-6 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ	Risk/Reward Ratio	Lãi/Lỗ hiện tại
TNG	24/08/21	27,500 - 29,000	38,000	26,000	1:3	9.0%
SLS	18/08/21	139,000 - 155,000	220,000	133,000	1:3	1.3%
BWE	16/07/21	35,000 - 36,000	45,000	32,900	1:3	12.9%
LAS	21/06/21	13,000 - 14,000	19,000	11,800	1:2.3	28.6%
ABI	17/06/21	52,000 - 56,000	75,000	49,000	1:2.7	16.1%
VND*	09/06/21	32,280 - 35,100	50,140	29,460	1:2.7	44.2%
DPG	31/05/21	27,500 - 28,929	43,571	25,000	1:4	43.8%
GVR	28/05/21	26,900 - 30,100	49,000	24,500	1:3.5	28.7%
IDC	28/05/21	36,000 - 38,500	56,000	33,000	1:3	3.9%
SSI*	20/05/21	36,000 - 39,000	51,000	33,000	1:2	58.5%
BSR*	11/05/21	14,900 - 16,100	22,000	13,600	1:2.3	14.3%
SMC	11/05/21	35,300 - 38,000	51,000	32,000	1:2	25.7%
BCG	12/04/21	13,800 - 14,400	20,300	12,500	1:3	22.6%
DIG	08/04/21	25,667 - 26,522	40,211	23,186	1:4	31.6%
GMD	07/04/21	35,000 - 36,200	55,000	32,700	1:5	33.4%
STB*	30/03/21	19,500 - 21,000	28,500	18,300	1:3	30.2%
TTF	29/03/21	6,900 - 7,500	13,000	6,200	1:4	-2.9%
VIC*	26/03/21	96,900 - 101,300	128,900	95,100	1:4.5	-7.1%
VCB	18/03/21	96,300 - 98,500	125,000	94,000	1:6	0.9%
GEG	08/03/21	16,550 - 17,650	25,700	15,455	1:4	0.3%
FCN	08/03/21	14,000 - 15,000	22,000	13,400	1:4.5	-9.7%
TIG*	05/03/21	7,545 - 8,455	13,636	7,273	1:4.5	92.8%

GAS	17/02/21	80,000 – 83,500	117,000	73,700	1:3.5	7.1%
CNG	17/02/21	21,900 – 23,000	31,500	20,600	1:3.5	23.5%
CCL	17/02/21	11,000 – 12,000	19,000	9,700	1:3	11.3%
LAF	27/01/21	12,800 – 14,500	21,500	11,800	1:2.5	4.8%
VSH	25/01/21	18,000 – 19,700	30,000	16,900	1:3.5	40.1%
MSR	21/12/20	19,000 – 21,000	31,000	17,800	1:3	-3.3%
SFI	09/12/20	29,200 – 31,000	46,500	27,700	1:5	59.7%
PGV	23/11/20	13,810 – 14,762	23,810	12,571	1:4	80.2%
CKG*	19/11/20	8,230 – 8,650	11,300	7,890	1:3.5	165.3%
DRI*	20/10/20	4,730 – 5,230	10,230	3,930	1:4	150.5%

Danh sách theo dõi đặc biệt của danh mục trading:

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ
BID	28/05/21	46,000 – 48,500	65,000	42,500
SGR	12/05/21	25,500 – 28,500	44,000	24,000
CEO	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900
PVD	05/03/21	23,500 – 25,500	40,000	21,900
SAM	17/02/21	11,200 – 12,100	22,500	10,200

ĐIỂM NHẤN PHIÊN GIAO DỊCH TRƯỚC

Thị trường mở cửa tích cực nhưng sau đó suy yếu và lại tăng trở lại trong buổi sáng cho đến giữa buổi chiều, trước khi suy yếu về lại tham chiếu vào cuối ngày và bật lên trong phiên ATC.

Tương quan tăng giảm nghiêng nhẹ về phía tăng trên toàn thị trường nhưng lại cân bằng nếu tính riêng trong nhóm VN30. Các cổ phiếu Ngân hàng là tác nhân chính kéo tụt thị trường với những cái tên như TCB, CTG, BID, MBB, HDB... Trong khi đó, diễn biến tích cực thuộc về nhóm Bất động sản, bao gồm cả bất động sản dân cư và khu công nghiệp.



Nhận định

VNINDEX ngày 31/08/2021: (1) Biên độ dao động hẹp, mở cửa cao hơn tham chiếu và thấp hơn mức cao nhất ngày, đóng cửa thấp hơn mở cửa một chút và cao hơn mức thấp nhất ngày, (2) Khối lượng giao dịch cả ngày cao hơn nhiều ngày trước và ở mức trung bình.

⇒ Áp lực chính đến toàn thị trường vẫn là từ các cổ phiếu vốn hóa lớn nói chung và các cổ phiếu Ngân hàng nói riêng, trong khi các cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ không thực sự bị tác động quá mạnh. Tương quan cung cầu trong ngày vẫn cho thấy lực mua giá thấp hỗ trợ nổi trội và việc bật tăng trong phiên ATC có thể coi là một tín hiệu tích cực.

Vai trò	Vùng điểm của VNIndex
Hỗ trợ	1,200 1,290 – 1,310
Kháng cự	1,380 – 1,420

TIÊU ĐIỂM - NEWS FOCUS

CTCP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy – TCH VN

Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (HoSE: TCH) thông báo ngày ngày 13/9 đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông thực hiện trả cổ tức năm 2020 và phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

Cụ thể, doanh nghiệp sẽ trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu tỷ lệ 5%, tương đương phát hành gần 20 triệu cổ phiếu. Đồng thời, đơn vị chào bán 199,6 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu giá 12.800 đồng/cp, tỷ lệ phân phối 2:1.

CTCP Bất động sản Thế Kỷ - CRE VN

CTCP Bất động sản Thế Kỷ (Cen Land, HoSE: CRE) vừa thông qua 15/9 là ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông mua cổ phiếu phát hành thêm và nhận cổ tức năm 2020 tổng tỷ lệ 105%.

SỰ KIỆN PHIÊN GIAO DỊCH HÔM NAY

Mã CK	Sàn	Nội dung sự kiện	Ngày GD không hưởng quyền	Ngày đăng ký	Ngày thực hiện
C47	HSX	Trả cổ tức (tỉ 20:1), phát hành cp để tăng vốn cp từ nguồn vốn CSH (tỉ 10:1)	1/9/2021	6/9/2021	1/9/2021
ACC	HSX	Chi trả cổ tức năm 2020 (500 đ/cp)	1/9/2021	6/9/2021	24/09/2021
GH3	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (400đ/cp)	1/9/2021	6/9/2021	8/10/2021
AAA	HSX	Nhận cp do tăng vốn cp từ NV CSH (tỷ lệ 10:1), trả cổ tức (500 đ/cp)	1/9/2021	6/9/2021	29/10/2021
BDW	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (600đ/cp)	1/9/2021	6/9/2021	24/09/2021
PGD	HSX	Chi trả cổ tức năm 2020 (2.000 đ/cp)	1/9/2021	6/9/2021	4/10/2021
EBA	HNX	Hủy niêm yết 15.500.000 cổ phiếu			1/9/2021
CPH	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	1/9/2021	6/9/2021	1/9/2021

TN1	HSX	Giao dịch 10.500.928 cp niêm yết bổ sung		24/08/2021	1/9/2021
CCV	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	1/9/2021	6/9/2021	1/9/2021

THỐNG KÊ CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG

1. Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)

Các trạng thái đã chốt lời của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
SGP	01/12/20	10,500 – 11,000	18,500	9,500	1:5	68.2%	42,000	281.8%
SMC	30/10/20	11,200 – 12,000	16,000	11,000	1:4	33.3%	25,500	112.5%
G36	05/11/20	9,160 – 9,830	13,300	8,770	1:3	35.3%	14,700	49.5%
LSS	17/11/20	7,100 – 7,500	12,000	6,400	1:4	60.0%	12,100	61.3%
POS	18/11/20	11,500 – 12,000	19,000	9,950	1:2.5	50.8%	20,500	62.7%
SAC	01/12/20	8,800 – 9,500	14,700	8,300	1:4	54.7%	16,400	72.6%

Các trạng thái đã chốt lời sớm/cắt sớm

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
LDG	22/10/20	6,600 – 6,800	10,300	6,100	1:5	23.1%	8,370	23.1%
HAG	13/11/20	4,500 – 4,700	8,000	4,250	1:7	0.0%	6,450	37.2%
PXS	17/11/20	6,000 – 6,400	11,000	5,300	1:4	0.0%	9,000	40.6%

Các trạng thái đã cắt lỗ

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Mức lỗ	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
VSH	09/11/20	20,500 – 21,000	30,000	18,900	1:4	-10.0%	19,281	-8.2%
MFS	30/12/20	27,300 – 29,000	39,000	26,300	1:4	-9.3%	33,900	16.9%
BWE	30/12/20	30,800 – 33,300	42,800	29,300	1:2.3	-12.0%	33,765	1.4%
CMX	31/12/20	17,000 – 18,500	25,000	16,200	1:3	-12.4%	20,000	8.1%

2. Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)

Các mã được điều chỉnh giá mục tiêu

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN / Tổng số KN	Giá khi khuyến nghị	Giá mục tiêu cũ	Upside ban đầu	Tổng mức biến động	Ngày đóng khuyến nghị	Giá mục tiêu mới	Điều chỉnh giá mục tiêu
MWG	08/02/21	2/3	128,500	154,500	20.2%	133.4%	06/08/21	184,000	+19.1%
VHM*	16/11/20	1/2	76,600	88,315	15.3%	33.9%	31/5/21	102,300	+15.8%
HAH*	31/05/21	2/3	28,200	35,100	24.5%	105.5%	03/08/21	60,000	+70.9%
OCB*	20/05/21	1/2	20,720	24,800	19.7%	17.3%	02/08/21	27,700	+11.7%
HAH	02/04/21	1 / 2	24,650	29,800	20.9%	14.4%	31/05/21	35,100	+17.8%
MBB*	05/02/21	2 / 3	39,400	27,000	9.1%	130.6%	11/06/21	44,000	+62.9%
SBT*	02/11/20	1 / 2	18,500	22,200	20.0%	11.1%	08/02/21	24,000	+8.1%
ACB*	28/09/20	1 / 2	22,500	27,400	27.5%	26.7%	05/02/21	36,350	+32.7%
VPB*	28/09/20	1 / 2	22,800	27,400	20.2%	62.3%	05/02/21	40,000	+46.0%
MBB*	28/09/20	1 / 3	17,087	20,000	17.0%	44.8%	05/02/21	27,000	+35.0%
MWG*	31/07/20	1 / 3	73,470	123,000	67.4%	74.9%	08/02/21	154,500	+25.6%
PNJ*	31/07/20	1 / 2	51,000	74,200	45.5%	58.6%	08/02/21	86,000	+15.9%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

FACTSET DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG NGÀY HÔM TRƯỚC

BIẾN ĐỘNG NGÀY

Chỉ số	Điểm số	Biến động	Điểm	Khối lượng GD (triệu CP)	Giá trị GD (tỷ đồng)	Số mã tăng	Số mã không đổi	Số mã giảm
VN - Index	1,331.47	0.25%	3.33	733.82	22,887.8	206	40	186
Vn30 - Index	1,428.66	-0.17%	-2.39	160.23	8,668.7	14	3	13
Vn - Mid	1,680.55	0.53%	8.83	306.54	9,028.9	36	5	29
HNX - Index	342.81	0.44%	1.51	144.04	3,112.9	111	59	167
Upcom - Index	93.77	0.59%	0.55	100.04	1,980.3	215	70	77
VNX-ALL	2,228.87	0.09%	2.00	796.14	24,636.2	241	61	176

BIẾN ĐỘNG TRONG NGÀY

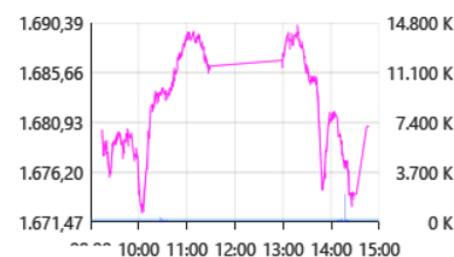
VN-INDEX



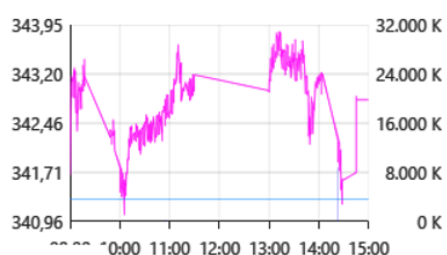
VN30



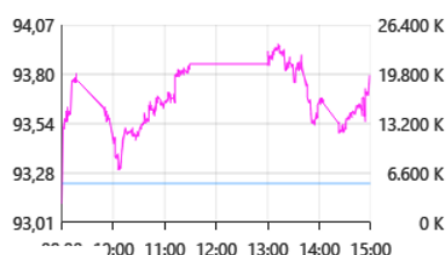
VN-MID



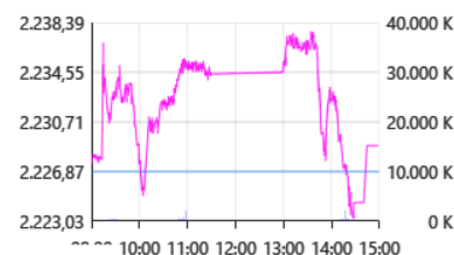
HNX-INDEX



UPCOM



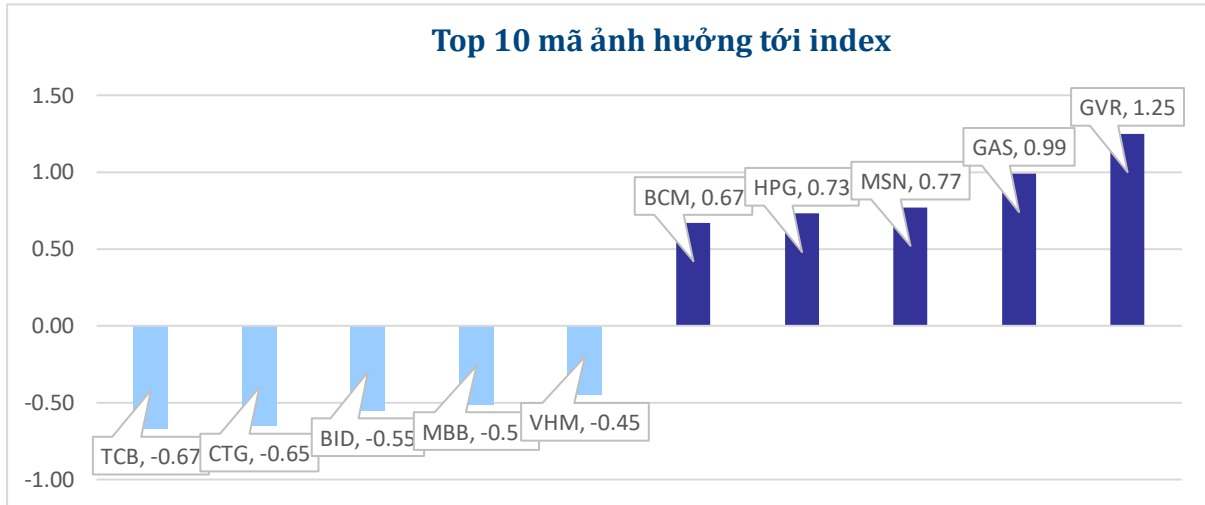
VNX-ALL



THANH KHOẢN NGÀY

Sàn	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Thay đổi so với phiên trước	Khối lượng giao dịch (triệu CP)	Thay đổi so với phiên trước
HSX	22,887.80	6.99%	733.82	8.47%
HNX	3,112.90	17.76%	144.04	6.74%

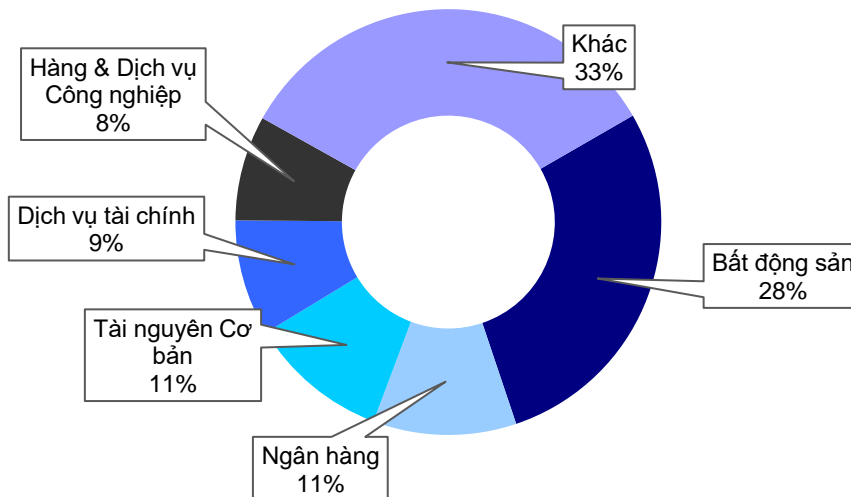
CỔ PHIẾU NỔI BẬT TRONG NGÀY



Top KLGD (triệu cổ phiếu)		Top GTGD (tỷ đồng)		Độ biến khối lượng (%KL/KL10 phiên)		Top tăng điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)		Top giảm điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)	
KBC	25.98	HPG	1,275.9	TIG	551%	TIG	7.2%	DAH	-6.9%
HPG	25.87	VHM	1,127.3	BCE	470%	ITA	6.9%	S99	-5.3%
ITA	21.11	KBC	1,083.6	D2D	456%	TDC	6.8%	DXP	-4.9%
DIG	18.84	DIG	657.7	ITA	274%	BCE	6.6%	VIX	-4.2%
TCH	15.86	SSI	600.9	BVH	270%	KBC	6.1%	FCN	-3.2%

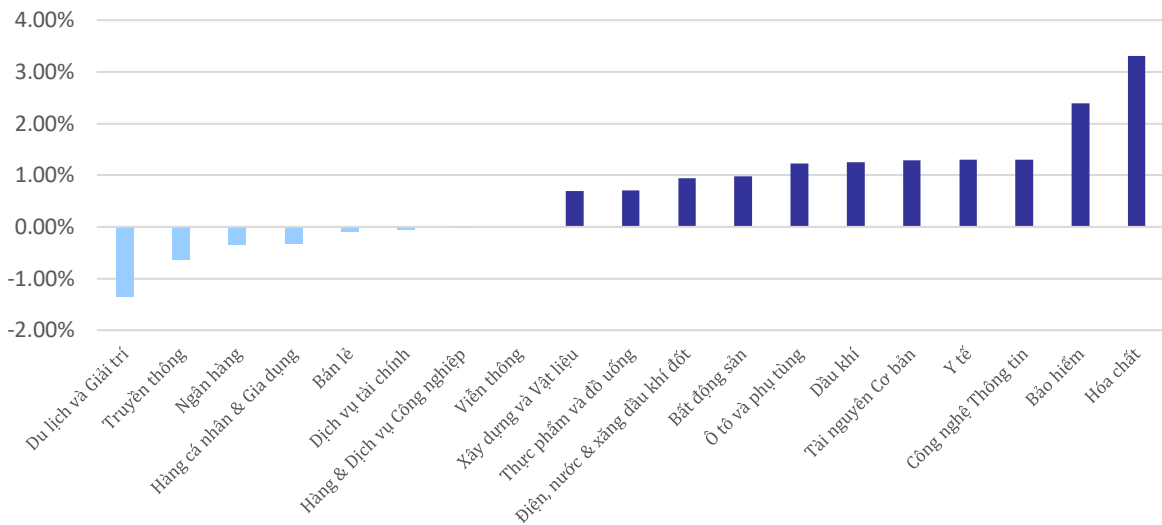
NHÓM NGÀNH

Thanh khoản ngành trong ngày





Biến động các nhóm ngành trong ngày

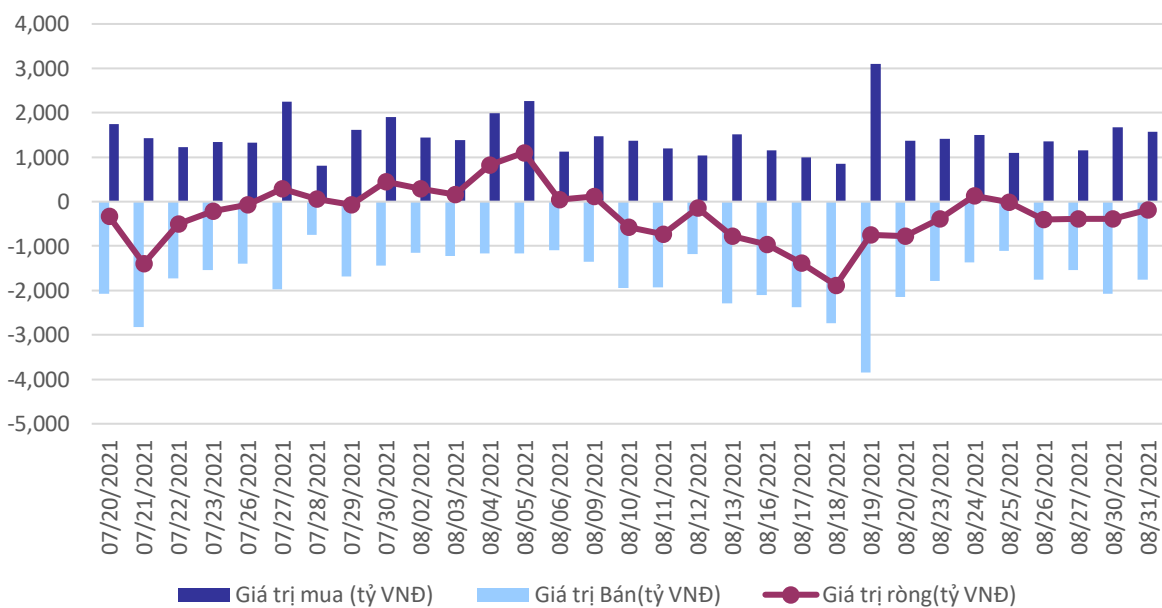


GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE bán ròng 191.69 tỷ đồng còn trên HNX mua ròng 88.31 tỷ đồng.

Top CP mua ròng	Giá trị mua ròng (tỷ đồng)	Top CP bán ròng	Giá trị bán ròng (tỷ đồng)
CTG	55.75	MSN	258.09
PDR	41.17	VHM	113.88
DGC	38.25	VNM	49.75
DCM	28.72	KBC	37.18
HSG	26.44	HCM	24.52

Giao dịch khối ngoại 30 phiên gần nhất trên HOSE





XẾP HẠNG CỔ PHIẾU

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index.**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

Khuyến nghị	Định nghĩa
Mua	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng $\geq 15\%$ Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Tích lũy	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ 5% đến 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng trung lập
Giảm tỷ trọng	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -15% to -5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực
Bán	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng nhỏ hơn -15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực

XẾP HẠNG NGÀNH

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

Xếp loại	Định nghĩa
Vượt trội	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index lớn hơn 5% Hoặc triển vọng ngành tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index từ -5% đến 5% Hoặc triển vọng ngành trung lập
Kém hiệu quả	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index nhỏ hơn -5% Hoặc triển vọng ngành kém tích cực

KHUYẾN CÁO

Các nhận định trong báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của người viết về mã chứng khoán hoặc tổ chức phát hành. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Guotai Junan Việt Nam Securities không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào được đề cập trong bản báo cáo này. Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nhận được thù lao dựa trên các yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng và độ chính xác của nghiên cứu, phản hồi của khách hàng, yếu tố cạnh tranh và doanh thu tổng thể của công ty, bao gồm doanh thu từ/trong số các đơn vị kinh doanh khác. Guotai Junan Việt Nam và cán bộ, giám đốc, nhân viên có thể có mối liên hệ đến bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong tài liệu này (hoặc trong bất kỳ khoản đầu tư nào có liên quan).

Báo cáo này đã được chuẩn bị trên cơ sở thông tin được cho là đáng tin cậy tại thời điểm công bố. Guotai Junan Việt Nam không tuyên bố hay bảo đảm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin đó. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư tổ chức và khách hàng cá nhân của Guotai Junan Việt Nam tại Việt Nam và ở nước ngoài theo luật pháp và quy định có liên quan rõ ràng cho quốc gia nơi báo cáo này được phân phối không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này.

Báo cáo này không được sao chép, xuất bản hoặc phân phối lại bởi bất kỳ đối tượng nào cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của đại diện ủy quyền của Guotai Junan Việt Nam. Vui lòng dẫn nguồn khi trích dẫn.

GUOTAI JUNAN VIETNAM RESEARCH & INVESTMENT STRATEGY

Thành viên	Vị trí	Phụ trách	Email	Ext.
Võ Thế Vinh	Trưởng phòng	Phân tích & Chiến lược Đầu tư	vinhvt@gtjas.com.vn	704
Đỗ Trung Nguyên	Phó phòng	Chiến lược đầu tư	nguyendt@gtjas.com.vn	703
Trần Thị Hồng Nhung	Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Ngân hàng	nhungtth@gtjas.com.vn	706
Đình Quang Đạt	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Tiêu dùng	datdq@gtjas.com.vn	
Phí Công Linh	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Bất Động sản	linhpc@gtjas.com.vn	709

LIÊN HỆ	TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI	CHI NHÁNH TP. HCM
Điện thoại tư vấn: (024) 35.730.073 Điện thoại đặt lệnh: (024) 35.779.999 Email: ivs@gtjas.com.vn Website: www.ivs.com.vn	P9-10, Tầng 1, Chamvit Tower Điện thoại: (024) 35.730.073 Fax: (024) 35.730.088	Lầu 4, Số 2 BIS, Công Trường Quốc Tế, P. 6, Q. 3, Tp.HCM Điện thoại: (028) 38.239.966 Fax: (028) 38.239.696